



tào fáng

套房

noun · suite (hotel or apartment)

Example Sentences

Wǒ men yù dìng le yī jiān hǎi jǐng tào fáng

我们预订了一间海景套房。

We booked a sea-view suite.

Zhè jiā jiǔ diàn de zǒng tǒng tào fáng fēi cháng háo huá

这家酒店的总统套房非常豪华。

The presidential suite in this hotel is very luxurious.

Trace each character, then write the word on your own.

套	套	套	套	套	套	套	套	套	套	套
套	套									
房	房	房	房	房	房	房	房	房	房	房